|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO**

**Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn**

**trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng với các văn bản hiện hành như sau:

**1. So sánh với Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố**

| **VĂN BẢN HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- |
| **I. Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Sửa đổi, bổ sung các Quyết định bị bãi bỏ sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành. |
| **Điều 3** | **Điều 3** | Lược bỏ Ủy ban nhân dân cấp huyện. |
| **II. Dự thảo Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | 1. Theo Văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn cồng kềnh là chất thải rắn sinh hoạt. Do vậy đã lược bỏ cụm từ “chất thải rắn cồng kềnh” trong phạm vi điều chỉnh.  2. Bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật mới của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Lược bỏ Ủy ban nhân dân cấp huyện. |
| **Điều 3** | **Điều 3** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 4** | **Điều 4** | Tại khoản 3: sửa cụm từ *“…đổ chất thải đúng thời gian, đúng nơi quy định”* thành *“chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt đúng thời gian, đúng nơi quy định”.*  Tại khoản 4, bổ sung cụm từ “hiện đại” tại khoản 4 thành *“…áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn hiện đại, thân thiện với môi trường…”* |
| **Điều 5** | **Điều 5** | Bổ sung các nhóm chất thải được phân loại theo Văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt. |
| **Điều 6** | **Điều 6** | 1. Bổ sung điểm d khoản 1 quy định về việc loại bỏ túi ni lông, bao bì trước khi đưa chất thải thực phẩm, hữu cơ vào bao bì chung nhằm tăng hiệu quả xử lý chất thải thực phẩm, hữu cơ; giảm tạp chất của sản phẩm sau xử lý.  2. Bổ sung khoản 3, khoản 4 về chất thải rắn cồng kềnh.  3. Quy định màu sắc của bao bì, thiết bị chứa chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại từ “màu vàng” thành **“màu xám”** theo khoản 14 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| **Điều 7** | **Điều 7** | 1. Bổ sung quy định về các tuyến đường, ngõ xóm, khu vực quy định không cho phép để chất thải rắn sinh hoạt trước nhà.  2. Bổ sung quy định cụ thể về thời gian thu gom chất thải rắn sinh hoạt.  3. Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về tần suất thu gom cho mỗi loại chất thải sau phân loại. |
| **Điều 8** | **Điều 8** | Tại điểm b khoản 5: Thay cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” thành “Ủy ban nhân dân thành phố” |
| **Điều 9** |  | Nội dung về chất thải rắn cồng kềnh được quy định tại Điều 5, Điều 6 Dự thảo văn bản. |
| **Điều 10** | **Điều 9** | Bỏ khoản 4 về xử lý chất thải cồng kềnh do đã nằm trong CTRSH.  Tại khoản 4 dự thảo văn bản, chỉnh sửa “Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm điều phối việc xử lý CTRSH tại các khu xử lý cho phù hợp” thành *“Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều phối việc xử lý CTRSH tại các khu xử lý cho phù hợp”*. |
| **Điều 11** | **Điều 10** | Sửa cụm từ “giá cụ thể” thành “định giá dịch vụ”. Lý do: Tại Khoản 7 Điều 73 Luật giá năm 2023 sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá” |
| **Điều 12** | **Điều 11** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 13** | **Điều 12** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 14** | **Điều 13** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 15** | **Điều 14** | Tại khoản 2 lược bỏ cụm từ *“Sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học”*. Lý do: để đảm bảo phù hợp với thời gian ban hành dự thảo văn bản. |
| **Điều 16** | **Điều 15** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 17** | **Điều 16** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 18** | **Điều 17** | 1. Tại điểm g khoản 1, điểm a khoản 2: lược bỏ Ủy ban nhân dân cấp huyện.  2. Tại điểm k khoản 1: Khoản 2 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a Khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. |
| **Điều 19** | **Điều 18** | Tại điểm đ khoản 1: Thay thế Ủy ban nhân dân cấp huyện bởi Ủy ban nhân dân cấp xã.  Tại điểm i khoản 1: cập nhật điểm a Khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. |
| **Điều 20** | **Điều 19** | Đổi tên Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.  Sửa đổi Ủy ban nhân dân cấp huyện thành Ủy ban nhân dân cấp xã theo Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025.  Đổi tên Bộ Tài nguyên và Môi trường thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.  Tại khoản 3, sửa đổi thành *“Cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp CTRSH và quy trình đóng bãi chôn lấp CTRSH được giao quản lý tài sản sau khi kết thúc hoạt động”.* |
| **Điều 21**  **Điều 22** | **Điều 20** | 1. Gộp chức năng nhiệm vụ của Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng thành Sở Xây dựng theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.  2. Sửa đổi khoản 2 Điều 22 thành khoản 7 dự thảo văn bản. |
| **Điều 23**  **Điều 24** | **Điều 21** | Gộp chức năng nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính thành Sở Tài chính theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng |
| **Điều 25** | **Điều 22** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 26** | **Điều 23** | Tại khoản 1: Sửa đổi Ủy ban nhân dân cấp huyện thành Ủy ban nhân dân cấp xã.  Tại khoản 2, bổ sung cụm từ *“xử lý đối với các phương tiện vận chuyển chất thải rắn vượt quá tải trọng theo quy định.”* |
| **Điều 27** | **Điều 24** | Đổi tên Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp Hải Phòng thành Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng Hải Phòng theo Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố. |
| **Điều 28** | **Điều 25** | Giữ nguyên như văn bản hiện hành. |
| **Điều 29** | **Điều 26** | Tại khoản 1: Sửa đổi Ủy ban nhân dân cấp huyện thành Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| **Điều 30**  **Điều 31** | **Điều 27** | 1. Sửa đổi Ủy ban nhân dân cấp huyện thành Ủy ban nhân dân cấp xã theo Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025.  2. Cập nhật chức năng nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác quản lý chất thải theo Điều 28 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |
| **Điều 32** | **Điều 28** | Đổi tên Sở Thông tin và Truyền thông thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.  Đổi tên Đài phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng thành Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng. |
| **Điều 33** | **Điều 29** | Lược bỏ cụm từ “các tổ chức chính trị - xã hội” do các tổ chức này trực thuộc Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố theo Quyết định số 74-QĐ/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thành lập Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hải Phòng. |

**2. So sánh với Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

| **VĂN BẢN HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- |
| **I. Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Sửa đổi Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Sửa đổi, bổ sung các Quyết định bị bãi bỏ sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành. |
| **Điều 3** | **Điều 3** | Lược bỏ Ủy ban nhân dân cấp huyện. |
| **II. Dự thảo Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Bổ sung phạm vi điều chỉnh có chất thải nhựa, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các loại chất thải không nằm trong phạm vi điều chỉnh. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Bổ sung cụ thể các cơ quan gồm các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã. |
|  | **Điều 3** | Giải thích từ ngữ |
| **Điều 3**  **Điều 4** | **Điều 4** | Nội dung cơ bản giống nhau theo các nguyên tắc chung về quản lý chất thải. |
| **Điều 5** | **Điều 5**  **Điều 6** | Dự thảo văn bản đã cụ thể các nhóm chất thải được phân loại theo Văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt.  Dự thảo văn bản quy định cụ thể việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt. |
| **Điều 6**  **Điều 7** | **Điều 7**  **Điều 8** | Dự thảo văn bản quy định thời gian, tần suất thu gom đối với mỗi nhóm chất thải sinh hoạt sau phân loại. Các yêu cầu khác về phương tiện vận chuyển, điểm tập kết tuân thủ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. |
| **Điều 8** | **Điều 9** | Dự thảo văn bản quy định cụ thể việc xử lý CTRSH tại hộ gia đình và tổ chức, cơ quan. Công nghệ xử lý đều được lựa chọn theo Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. |
| **Điều 9** |  | Đã được quy định tại Điều 5, Điều 6 dự thảo |
| **Điều 10** | **Điều 10** | Ủy ban nhân dân thành phố sẽ ban hành Quyết định riêng về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH. |
| **Điều 11** |  | Các ưu đãi về CTRSH được quy định cụ thể tại các Điều 131, 132, 133, 134, 135 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành. Do vậy không đưa vào dự thảo văn bản. |
|  | **Điều 11**  **Điều 12**  **Điều 13**  **Điều 14**  **Điều 15** | Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải nhựa, bùn thải hầm cầu, tự hoại, bùn thải hệ thống thoát nước. |
| **Điều 15** | **Điều 16** | Quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình |
| **Điều 16** | **Điều 17** | Đảm bảo nội dung quy định quyền, trách nhiệm của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn so với văn bản hiện hành. |
| **Điều 17**  **Điều 18** | **Điều 18** | Đảm bảo nội dung quy định quyền, trách nhiệm của cơ sở xử lý chất thải rắn so với văn bản hiện hành. |
| **Khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 12** | **Điều 19**  **Điều 20**  **Điều 21** | Đảm bảo nội dung quy định trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng so với văn bản hiện hành |
|  | **Điều 22** | Quy định trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ |
|  | **Điều 23** | Quy định trách nhiệm của Công an thành phố |
|  | **Điều 24** | Quy định trách nhiệm của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng Hải Phòng |
| **Khoản 5 Điều 12** | **Điều 25** | Đảm bảo nội dung quy định trách nhiệm của Sở Sở Giáo dục và Đào tạo so với văn bản hiện hành |
| **Khoản 7 Điều 12** | **Điều 26** | Đảm bảo nội dung quy định trách nhiệm của các Sở, ban, ngành khác so với văn bản hiện hành |
| **Điều 13**  **Điều 14** | **Điều 27** | Đảm bảo nội dung quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã so với văn bản hiện hành |
| **Khoản 8 Điều 12** | **Điều 28** | Quy định trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng |
|  | **Điều 29** | Quy định trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố |

**3. So sánh với Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh**

| **VĂN BẢN HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- |
| **I. Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Sửa đổi Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Sửa đổi, bổ sung các Quyết định bị bãi bỏ sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành. |
| **Điều 3** | **Điều 3** | Lược bỏ Ủy ban nhân dân cấp huyện. |
| **II. Dự thảo Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | | |
| **Điều 1** | **Điều 1** | Phạm vi điều chỉnh của Dự thảo văn bản đã bao gồm các hạng mục của văn bản hiện hành, cụ thể:  Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn, bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| **Điều 2** | **Điều 2** | Bổ sung cụ thể các cơ quan gồm các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| **Điều 3** | **Điều 3** | Giải thích từ ngữ chung về quản lý chất thải rắn |
| **Điều 4** | **Điều 4** | Đảm bảo nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn. |
|  | **Điều 5 đến Điều 10** | Quy định về quản lý chất thải sinh hoạt. |
| **Điều 6** | **Điều 11** | Quy định về phân loại chất thải rắn xây dựng đảm bảo nội dung so với văn bản hiện hành. |
| **Điều 7**  **Điều 8** | **Điều 12** | Quy định về thu gom, lưu trữ, vận chuyển chất thải rắn xây dựng đảm bảo nội dung so với văn bản hiện hành. |
| **Điều 5**  **Điều 9** | **Điều 13** | Quy định về tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn xây dựng đảm bảo nội dung so với văn bản hiện hành. |
|  | **Điều 14** | Quy định về quản lý chất thải nhựa. |
| **Điều 10**  **Điều 11** | **Điều 15** | Quy định quản lý bùn bể tự hoại, hầm cầu; bùn nạo vét hệ thống thoát nước đảm bảo nội dung so với văn bản hiện hành. |
| **Điều 12** | **Điều 16** | Quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chính là chủ nguồn thải. |
| **Điều 13** | **Điều 17** | Quy định quyền, trách nhiệm của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn, trong đó có chất thải rắn xây dựng. |
| **Điều 14** | **Điều 18** | Quy định quyền, trách nhiệm của cơ sở xử lý chất thải rắn, trong đó có chất thải rắn xây dựng. |
| **Điều 15** | **Từ Điều 19 đến điều 29** | Quy định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo nội dung so với văn bản hiện hành. |